

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+ClO	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
2		TD1+BK8+TTC1	7:25	16+0+5	0+0+0		15+1+5	0+0+0	
3		P8+ClO	7:25	18+4	0+0		12+10	0+0	
4		CTK3+P11+TD5	9:25	8+0+14	0+0+0		2+0+17	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-P11
5		P7+P10+P6	9:25	0+1+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	CHUYEN 3 P7- P10
6		TD3+BK5+PPD (P2)	9:25	20+2+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	
7		BK21+P5+P6	11:25	6+2+13	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
8		P8+TTC2+BK19	11:25	9+4+8	0+0+0		5+5+4	0+0+0	CHUYEN 4 TTC2-BK19
9		TD1+TD3+P8	11:25	18+4+0	0+0+0		10+0+11	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi về trong ngày P8-4ng



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P3 - CLO	CREW: TTrung - NPhú - QTrường	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHÃN	P3	01	1	2		51	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN ĐỨC	P3	37	1	4	22	74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH TRUNG	P3	500	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	KOSTIKIN VITALII	P3	38	1	18		132	NIPI	Russian
5	AGAFONOV ANDREI	P3	99	1	15		94	NIPI	Russian
6	VŨ QUANG	CLO	17	1	11	30	80	D-HANH	Vietnamese
7	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	11	1	5	46	78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN CÔNG PHU	CLO	14	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	02	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	10	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	07	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	06	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ MINH TUNG	CLO	16	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN BUI QUANG	CLO	12	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN KIM HÙNG	CLO	04	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM TIỀN VINH	CLO	13	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN HIẾU	CLO	05	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ VĂN BẮC	CLO	08	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC THẮNG	CLO	03	1	14		61	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VĂN QUYỀN	CLO	18-19	2	20		66	YTE	Vietnamese
21	ĐINH VIỆT DŨNG	CLO	20	1	9		61	DVL	Vietnamese
22	TRẦN MINH BẠCH	CLO	15	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	5	42	411	22	2		
2	CLO	17	18	142	1.203	76	20		
TOTAL		22	23	184	1.614	98	22		
WEIGHT KG				184	1.614	98			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNHS REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD1 - BK8 - TTC1	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	STESHIN VALERIY**	TD1	71	1	15		165	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU NAM	TD1	70	1	8	75	72	KHOAN	Vietnamese
4	MAI XUÂN TÙNG	TD1	66	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC CUÔNG	TD1	72-73	2	10		67	KHOAN	Vietnamese
6	QUACH VAN THANG	TD1	64	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN MINH	TD1	67-68	2	10		50	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ MẠNH HAI	TD1	65	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG SANG	TD1	61	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
10	TRANG NGỌC HUNG	TD1	74	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN THIÊN	TD1	62-63	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD1	84	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THẾ HUNG	TD1	75	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM HAI LONG	TD1	78	1	14		74	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG HOAN	TD1	76-77	2	19		88	DVL	Vietnamese
16	PHAN VIỆT HUNG	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	34-35	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NHẬT THÀNH	TTC1	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	06	1	5	5	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	32	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	33	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	19	151	1.195	75	15		
2	BK8	0	0	0	0	14	1		
3	TTC1	5	6	31	350	5	5		
TOTAL		21	25	182	1.545	94	21		
WEIGHT KG				182	1.545	94			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Bổ sung thêm pax đi TD1 gửi pc ký lai MF

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	TO: P8 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Tú - THỤ	ETA: 09:40
VANG-1			

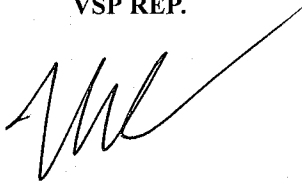
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	P8					65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỌ	P8					93	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MINH	P8	45	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
4	LAZAREV A.	P8	42	1	6		84	KH-THAC	Russian
5	TRẦN VĂN QUẾ	P8	16-17	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐỊA DƯƠNG	P8	38	1	4		76	ANTOAN	Vietnamese
7	PHẠM MINH DƯƠNG	P8	49-50	2	5		83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN ĐÓN	P8	14-15	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	44	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU BẢO	P8	39	1	13		92	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TÚ ANH	P8	43	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	11-12	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NAM HAI	P8	48	1	4		98	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	44	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN BÁC	P8	46	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUÂN	P8	40-41	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	13	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HƯỜNG	CLO	99	1	3		52	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG HỮU THU	CLO	599	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	NGÔ THẾ ANH	CLO	98	1	6		65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	97	1	3		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	18	21	113	1.354	0	12		
2	CLO	4	4	17	268	0	10		
TOTAL		22	25	130	1.622	0	22		
WEIGHT KG				130	1.622	0			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: CTK3 - P11 - TD5	CREW: TTrung - NPhú - QTrường	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÌNH	CTK3	66-67	2	18		77	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐƯƠNG	CTK3	59	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG PHONG	CTK3	63-64	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN HIỆP THANH	CTK3	60	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ NGỌC ANH	CTK3	70	1	11		74	CODIEN	Vietnamese
6	NÔNG MINH HAI	CTK3	71	1	11	15	71	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN KHA	CTK3	68-69	2	22		72	XAYLAP	Vietnamese
8	VĂN NGỌC TÂM	CTK3	61-62	2	10		64	DUY LINH	Vietnamese
9	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	08	1	7		105	KHOAN	Russian
10	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	800	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
11	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	74	1	3	42	67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	75	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	11	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐỨC HAI	TD5	09	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ VĂN TIẾN	TD5	71-72	2	8		64	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN THUY	TD5	13	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	07	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	16	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	73	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	14-15	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
21	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	10	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU TUYẾN	TD5	12	1	9		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	12	102	558	15	2	42	CHUYEN 2 PAX CTK3-P11
2	P11	0	0	0	0	0	0		
3	TD5	14	16	84	1.041	42	17		
TOTAL		22	28	186	1.599	57	19		
WEIGHT KG				186	1.599	57			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	TO: P7 - P10 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Tú - THỤ	ETA: 11:50
VANG - 2			

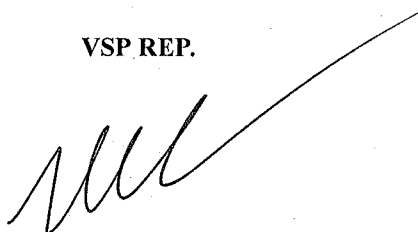
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	P10	95-96	2	17		93	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	P6	76	1	4		63	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG BANG	P6	70-71	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	CHERNIAVSKII D.	P6	50	1	13		113	KH-THAC	Russian
5	PIATOV S.	P6	68	1	10		93	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN HỮU NHAN	P6	01	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	74-75	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HA DUY ĐÔNG	P6					91	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRỌNG BÌNH	P6	78	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN HOÀN	P6	53	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	73	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TIEN DUNG	P6	72	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HUY	P6	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUY THAI	P6	69	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THAI ANH	P6	51	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HỒNG GIANG	P6	900	1	7	15	73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN TUNG	P6	49	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐẠI THANH	P6	52	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	0	0	0	0	0	1	3	CHUYEN 3 PAX P7-P10
2	P10	1	2	17	93	0	0		
3	P6	17	18	100	1.305	15	21		
TOTAL		18	20	117	1.398	15	22		
WEIGHT KG				117	1.398	15			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: TD3 - BK5 - P2	CREW: CHIẾN - N.ANH - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	99	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	88	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	97	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
5	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	96	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	800	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH DUNG	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	90	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN THĂNG	TD3	86	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC BAO TU	TD3	98	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG THANH TU	TD3	89	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ TRÁ	TD3	79	1	14		66	SCHLUMB	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THÔNG	TD3	83-84	2	15		65	SCHLUMB	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH PHÚ	TD3	81-82	2	20		85	SCHLUMB	Vietnamese
17	CAO ĐẮC DÂN	TD3	93-94	2	18	32	72	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY BAI	TD3	87	1	11		80	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẶNG TIẾN TOÀN	TD3	91-92	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
20	PHI THANH HỒNG	TD3	95	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
21	HOANG ANH TUÂN	BK5	68	1	9	25	62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HUNG CUONG	BK5	66	1	10	22	57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	21	170	1.446	32	16		
2	BK5	2	2	19	119	47	2		
3	P2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	189	1.565	79	22		
WEIGHT KG				189	1.565	79			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: BK21 - P5 - P6	CREW: HUNG - N.Cuong - DTung	ETA: 14:00
xanh-3			

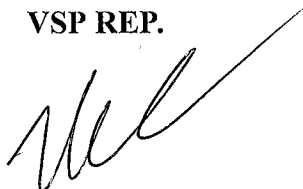
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	BK21	51	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRI HAO	BK21	53	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	HA XUÂN THANH	BK21	52	1	5	55	110	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC ANH	BK21	55	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG THANH	BK21	54	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỞNG	BK21	50	1	10		72	PSV	Vietnamese
7	LẠI ĐĂNG ROONG	P5	41-42	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN KHÔI	P5	40	1	15		54	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	P6	08	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC QUY	P6	06	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO KIM SÂM	P6	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC HUNG	P6	05	1	5		66	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P6	17	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	10-11	2	10		76	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	15	1	5		82	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	18	1	5		55	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN QUÂN	P6	14	1	6		56	PSV	Vietnamese
19	LÊ ANH TUÂN	P6	12-13	2	18		68	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	P6	04	1	8		52	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ DUY	P6	15	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SAU	P6	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	6	6	53	470	55	3		
2	P5	2	3	30	124	0	0		
3	P6	14	16	97	945	0	18		
TOTAL		22	25	180	1.539	55	21		
WEIGHT KG				180	1.539	55			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

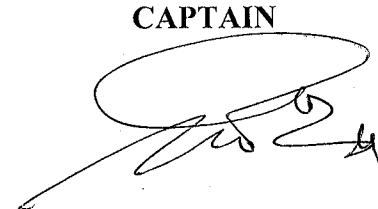
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2024	TO: P8 - TTC2 - BK19	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - ĐNam - Huy	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĨNH DŨNG	P8	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN TUNG	P8	66	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG HUY	P8	64	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	68	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG THẮNG	P8	65	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	69	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	63	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG TRI NAM	P8	62	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC TUNG	P8	61	1	5		70	YTE	Vietnamese
10	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	28	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN AN	TTC2	29	1	4	45	62	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VĂN TUẤN	TTC2					55	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ PHƯƠNG	TTC2	30	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN THÁI	BK19	15	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HUY	BK19	13	1	10	15	80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK19	14	1	8		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	9	45	606	0	5		CHUYEN 4 PAX TTC2-BK19
2	TTC2	4	3	14	247	45	5	4	
3	BK19	3	3	26	201	15	4		
TOTAL		16	15	85	1.054	60	14		
WEIGHT KG				85	1.054	60			

GRAND TOAL: 1.199 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: TD1 - TD3 - P8	CREW: Dương - MTHAO - Thành -	ETA: 14:10
DO - 3		HIỆU	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	TD1	83	1	13	5	73	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIEN	TD1	96	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD1	87	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC HÙNG	TD1	85-86	2	22		86	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	93	1	15		70	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT HỒ	TD1	88	1	15	34	74	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN VỊNH	TD1	99	1	15		95	DVL	Vietnamese
8	PHAN THANH TÍNH	TD1	97-98	2	27		62	DVL	Vietnamese
9	LÊ VĂN THĂNG	TD1	95	1	11		75	DVL	Vietnamese
10	TRƯƠNG MINH KHANH	TD1	94	1	13		73	DVL	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGỌC	TD1	90	1	3	20	78	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT LỘC	TD1	87	1	5		58	PSV	Vietnamese
13	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	86	1	2		69	PSV	Vietnamese
14	ĐÀU ĐỨC HÙNG	TD1	88	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	91	1	2		69	PSV	Vietnamese
16	PHẠM THÈ THUẬN	TD1	85	1	3		70	PSV	Vietnamese
17	ĐÀU VIỆT BẮC	TD1	92	1	3		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	TD1	89	1	3		80	PSV	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD3	74	1	12		69	DVL	Vietnamese
20	BUI BẠCH DƯƠNG	TD3	72-73	2	18		72	DVL	Vietnamese
21	PHAN VĂN LÊ	TD3	75-76	2	11		66	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC LANG	TD3	77-78	2	17		58	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	20	184	1.320	59	10		
2	TD3	4	7	58	265	0	0		
3	P8	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	27	242	1.585	59	21		
WEIGHT KG				242	1.585	59			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN